

VIETNAM'S WATER DIPLOMACY IN THE MEKONG SUB-REGION FROM 2016 TO PRESENT

Le Hong Hoa¹

Tran Thi Khanh Chi²

^{1,2}Diplomatic Academy of Vietnam

Email: lehonghoa1110@gmail.com¹; tranthikhanhchi.189@gmail.com²

Received: 10/3/2025; Reviewed: 14/3/2025; Revised: 18/3/2025; Accepted: 25/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.210>

Abstract: *The paper analyzes the situation and practical activities of Vietnam's Water Diplomacy in the Mekong Subregion since 2016, in the context of the Mekong Delta facing severe drought and saline intrusion. Vietnam has taken important steps in Water Diplomacy, putting water security in Mekong River into Party Congress documents, participating in multilateral cooperation mechanisms and promoting bilateral dialogues with countries in the region. However, Vietnam's water diplomacy activities are still limited and have not demonstrated a leading role in the region. Vietnam will need to build a comprehensive water diplomacy strategy, promote key cooperation, apply water monitoring technology and be more proactive in international negotiations to protect national interests and sustainable development.*

Keywords: *Vietnam's foreign policy; Water diplomacy; Mekong sub-region.*

1. Đặt vấn đề

Từ đầu thế kỷ XXI, nhu cầu sử dụng nước toàn cầu tăng mạnh do bùng nổ dân số, đô thị hóa và phát triển công nghiệp. Nguồn nước bị đe dọa, kéo theo hàng loạt hệ lụy nghiêm trọng và gia tăng bất ổn xã hội. Để giải quyết các cuộc xung đột về nguồn nước, nhất là ở những khu vực sông xuyên biên giới, ngoại giao nguồn nước trở thành công cụ quan trọng trong quản lý và phân phối công bằng nguồn tài nguyên nước xuyên biên giới.

Sông Mekong bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng, chảy qua 6 quốc gia gồm: Trung Quốc, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. Đối với Việt Nam, sông Mekong giữ vai trò đặc biệt trong ổn định, phát triển và thịnh vượng của khu vực Tây Nguyên và Đông Nam Bộ khi chiếm gần 60% tổng lượng dòng chảy hàng năm và khoảng 23% dân số (Dũng, 2018). Tuy nhiên từ năm 2016, biến đổi khí hậu và các hoạt động xây dựng ồ ạt đập thủy điện ở thượng nguồn Mekong đã gây ra hạn hán, ngập mặn nghiêm trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đe dọa trực tiếp sinh kế của hàng triệu người dân. Đồng thời, các cường quốc ngoài khu vực cũng bắt đầu can dự sâu hơn vào vấn đề sông Mekong, nhằm biến dòng sông này thành công cụ cạnh tranh địa chính trị. Tình hình này khiến Việt Nam

phải điều chỉnh cách tiếp cận ngoại giao nguồn nước, chuyển từ thế bị động sang chủ động hơn trong các cơ chế hợp tác quốc tế. Vấn đề ngoại giao nguồn nước tại sông Mekong cần trở thành một trong những tâm điểm, vấn đề thời sự được Chính phủ Việt Nam quan tâm nghiên cứu hơn nữa.

Nghiên cứu này sẽ nhận diện và phân tích các mục tiêu, phương hướng và thực tiễn hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam ở Tiểu vùng Mekong từ năm 2016 đến nay, từ đó thảo luận và gợi mở một số khuyến nghị khả thi nhằm hoàn thiện chính sách quản lý nguồn nước, thúc đẩy hợp tác của Việt Nam tại Tiểu vùng sông Mekong.

2. Tổng quan nghiên cứu

Ngoại giao nguồn nước dù là một vấn đề mới nhưng đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Bài viết “Water diplomacy: The intersect of science, policy and practice” (Klimes et al., 2019) nghiên cứu các vấn đề lý luận của ngoại giao nguồn nước; sự giao thoa giữa các nghiên cứu khoa học với chính sách và thực tiễn ngoại giao nguồn nước; các biện pháp xử lý vấn đề ngoại giao nguồn nước. Ở Việt Nam, cuốn “Ngoại giao chuyên biệt: hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030” của Vũ Lê Thái Hoàng và cộng sự có chương về Ngoại

giao nước của Tô Minh Thu nghiên cứu về lý luận chung của ngoại giao nguồn nước và thực tiễn triển khai ngoại giao nguồn nước của một số quốc gia, từ đó rút ra một số kinh nghiệm và hàm ý chính sách cho Việt Nam.

Với tình hình ngoại giao nguồn nước ở tiểu vùng Mekong, bài nghiên cứu “Water diplomacy and conflict management in the Mekong: From rivalries to cooperation” (Kittikhoun & Staubli, 2018) cho rằng nguồn nước Mekong đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, đòi hỏi sự hợp tác đa phương thay vì các giải pháp đơn phương. Cuốn sách “Tiểu vùng sông Mê Công: Hợp tác năng động vì thịnh vượng, an ninh và phát triển bền vững” (Thu, 2022) nghiên cứu tổng quát các cơ chế hợp tác đa phương ở Tiểu vùng Mekong, trong nhiều vấn đề an ninh - chính trị, kinh tế, nguồn nước, năng lượng...

Tuy nhiên, ngoại giao nguồn nước của Việt Nam ở Mekong vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu nhiều. Bài nghiên cứu “2015 年越南形势及对大湄公河次区域合作的参与” của Tất Thế Hồng, Phó Cảnh Lâm phân tích vai trò và các hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam ở Tiểu vùng Mekong từ 2015. Bài báo “Adapting to Nature’: A Preliminary Assessment of Vietnam’s Mekong Water Diplomacy since 2017” (Truong & Tram, 2021) chỉ ra các hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam kể từ khi thông qua Nghị quyết 120. Tuy nhiên vấn đề ngoại giao nguồn nước tại Việt Nam mới chỉ dừng lại ở dạng diễn ngôn, các hoạt động cũng chỉ ở bước đề xuất sáng kiến, xây dựng kế hoạch. Do đó, kết quả của hoạt động ngoại giao nguồn nước cũng chưa thực sự rõ rệt và hiệu quả.

Nhìn chung, các nghiên cứu đều phân tích được các hoạt động ngoại giao nguồn nước nổi bật, nỗ lực của Việt Nam trong các cơ chế hợp tác đa phương về nguồn nước ở Tiểu vùng Mekong, thách thức của ngoại giao nguồn nước sông Mekong và đưa ra kiến nghị. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào chi tiết, toàn diện cả lý thuyết và thực tiễn về ngoại giao nguồn nước của Việt Nam, dẫn đến các kiến nghị chính sách còn vĩ mô, chung chung.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chủ yếu sử dụng phương pháp tổng hợp thông tin – phân tích – so sánh để đánh giá tình hình Tiểu vùng Mekong trước và sau

năm 2016. Đồng thời sử dụng các phương pháp đặc thù của ngành Khoa học xã hội như phương pháp lịch sử - logic, phương pháp nghiên cứu chính sách, nhằm làm rõ mục tiêu và nội dung ngoại giao nguồn nước của Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Một số vấn đề lý luận về ngoại giao nguồn nước

Từ cuối những năm 1990, an ninh nguồn nước trở thành vấn đề chính trị - xã hội, vượt ra khỏi biên giới của một quốc gia, yêu cầu các nước láng giềng phải hợp tác để xử lý các nguồn nước được chia sẻ chung (Sehring et al., 2022). Từ đây, những nhận thức đầu tiên về ngoại giao nguồn nước bắt đầu xuất hiện. Tuy nhiên ở thời điểm này, ngoại giao nguồn nước thường được biết đến là ngoại giao thủy văn (hydro diplomacy) (Vlachos, 1996) hoặc ngoại giao xanh (blue diplomacy) (Salman, 2015).

Đến hiện tại, ngoại giao nguồn nước vẫn chưa có một định nghĩa được thống nhất chung. Ngoại giao nguồn nước cũng được sử dụng thay thế cho “quản lý nước xuyên biên giới” hoặc “hợp tác về nước”. Cuốn Tạp chí Thủy văn (Journal of Hydrology) cho rằng ngoại giao nguồn nước là khái niệm nhằm “giải quyết bản chất chính trị của hợp tác xuyên biên giới và liên kết nước với hợp tác khu vực rộng lớn hơn, địa chính trị và chính sách đối ngoại” (Keskinen et al., 2021). Ở Việt Nam, ngoại giao nguồn nước còn khá mới và vẫn chưa được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Trong cuốn sách “Ngoại giao chuyên biệt: hướng đi, ưu tiên mới của ngoại giao Việt Nam đến năm 2030” của Vũ Lê Thái Hoàng có đưa ra định nghĩa: “Ngoại giao nước là cách tiếp cận cho phép nhiều bên liên quan đánh giá các biện pháp để góp phần tìm kiếm giải pháp quản lý chung các nguồn nước ngọt chung” (Hoàng, 2020). Các định nghĩa của các nhà nghiên cứu ở cả quốc tế và tại Việt Nam có một số điểm tương đồng. Nhìn chung, ngoại giao nguồn nước có thể được hiểu là một phương thức ngoại giao, trong đó các quốc gia sử dụng công cụ ngoại giao để giải quyết những vấn đề liên quan đến quản lý và sử dụng nguồn nước ở chung biên giới.

4.2. Thực trạng nguồn nước tại Tiểu vùng Mekong

Do biến đổi khí hậu và khai thác tài nguyên nước tăng ở thượng nguồn, an ninh nguồn nước tại Tiểu vùng Mekong đang đứng trước những

thách thức nghiêm trọng. Từ trước năm 2016, Trung Quốc đã liên tục thực hiện các dự án thủy điện quy mô lớn trên thượng nguồn sông Mekong: Đập Mạn Loan (2006), Đập Tiểu Loan (2010), làm suy giảm lưu lượng nước, giảm nguồn phù sa, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp và thủy sản của các nước hạ nguồn. Năm 2012, đập Nọa Trác Độ tích nước dẫn đến tình trạng sạt lở, xâm nhập mặn và suy thoái đất nông nghiệp nghiêm trọng tại các quốc gia hạ lưu. Với Việt Nam, một quốc gia nằm ở hạ nguồn, những tác động này càng nghiêm trọng hơn: làm thay đổi dòng chảy, giảm nguồn nước ngọt, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và sinh kế của hàng triệu người dân vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Từ 2016, an ninh nguồn nước tại Tiểu vùng Mekong trở nên nghiêm trọng hơn do tác động kép của biến đổi khí hậu và hoạt động khai thác tài nguyên nước ở thượng nguồn. Năm 2017, đập Pak Beng (Lào) được triển khai, theo sau đó là đập Don Sahong (2020), đập Luang Prabang (2030). Việc xây dựng này làm trầm trọng thêm vấn đề mất cân bằng dòng chảy, khiến tình trạng thiếu nước vào mùa khô trở nên thường xuyên và nghiêm trọng hơn. Các nước hạ nguồn sông Mekong, bao gồm khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, đã trải qua hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng do lưu lượng nước thượng nguồn giảm mạnh, kết hợp với ảnh hưởng của triều cường, gây thiếu hụt nước ngọt và ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất nông nghiệp, đời sống của nhân dân. Năm 2019, mực nước sông Mekong tại trạm Chiang Saen (Thái Lan) giảm xuống 2,1 mét - mức thấp nhất trong gần 60 năm (Anh, 2019), kéo theo các tác động nghiêm trọng đến nông nghiệp, thủy sản và giao thông đường thủy ở Đồng bằng sông Cửu Long. Mùa khô 2019 - 2020, hạn hán và xâm nhập mặn tác động đến 10/13 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, làm ảnh hưởng hàng trăm nghìn hecta lúa và cây ăn trái của Việt Nam: khoảng 41.900 ha lúa vụ đông xuân, 6.650 ha cây ăn trái và 1.241 ha cây màu bị thiệt hại (Trung tâm Truyền thông Tài nguyên Môi trường, 2022). Từ năm 2021 đến năm 2023, tình trạng biến động nguồn nước tại Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục gia tăng, hạn hán và xâm nhập mặn diễn ra nghiêm trọng hơn trong mùa khô, đe dọa đến nguồn nước ngọt. Dự báo năm

2025, phù sa ở Mekong sẽ khó chảy về hạ nguồn, làm giảm độ màu mỡ của đất, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và đe dọa sinh kế của người dân.

Đứng trước nguy cơ mất an ninh nguồn nước tại Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam đã chú trọng hơn đến nguồn nước sông Mekong, không ngừng triển khai các công cụ ngoại giao, nhằm tối đa hóa lợi ích, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự phát triển bền vững cho khu vực hạ nguồn.

4.3. Ngoại giao nguồn nước của Việt Nam từ năm 2016 đến nay

4.3.1. Mục tiêu: Dù không được đề cập trực tiếp trong các văn bản chính thức, ngoại giao nguồn nước cũng là một phần của ngoại giao và có vai trò quan trọng đối với lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

Từ Đại hội XIII (2021), lần đầu tiên Đảng đưa khái niệm “an ninh nguồn nước” vào Văn kiện Đại hội, đánh dấu nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của nguồn nước xuyên biên giới, nhất là sông Mekong (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Việt Nam hướng tới chia sẻ công bằng, hợp lý nguồn nước xuyên biên giới, hạn chế thiên tai, xâm nhập mặn và giải quyết các tranh chấp thông qua đàm phán. Tại Đại hội XIII, Đảng cũng nhận định: “Thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu gia tăng, sử dụng nguồn nước xuyên biên giới, nhất là nguồn nước sông Mekong, đặt ra nhiều thách thức lớn chưa từng có cho phát triển bền vững” (Đảng Cộng Sản Việt Nam, 2021). Ngoại giao nguồn nước của Việt Nam hướng tới phát triển bền vững, thu hút hỗ trợ từ quốc tế để đầu tư vào hạ tầng thủy lợi, quản lý tài nguyên nước và ứng phó biến đổi khí hậu, đảm bảo nguồn nước ổn định cho sản xuất và sinh hoạt, đặc biệt tại Đồng bằng sông Cửu Long.

Đại hội XIII cũng nhận thức nguồn nước hiện nay là một trong những vấn đề khiến các quốc gia cạnh tranh gay gắt (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021), do đó hoạt động ngoại giao nguồn nước cũng là một công cụ giúp Việt Nam nâng cao vị thế quốc tế. Tham gia vào các cơ chế hợp tác nguồn nước ở Tiểu vùng Mekong giúp Việt Nam thể hiện vai trò dẫn dắt trong các vấn đề liên quan đến tài nguyên nước, xây dựng hình ảnh quốc gia có trách nhiệm và thu hút ủng hộ quốc tế.

Phương hướng hoạt động: Từ 2016, Việt Nam đã bắt đầu đưa ra các định hướng về ngoại giao nguồn nước.

Tại Đại hội XII (2016), Đảng xác định phương hướng: “Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; Chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng nguồn nước xuyên quốc gia” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2016). Quán triệt đường lối Đại hội XII, năm 2017, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP, tập trung vào Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua ba hướng chính: *Hợp tác quốc tế về nguồn nước; Tích cực tham gia cơ chế hợp tác khu vực; Huy động nguồn lực quốc tế.* Nghị quyết 120 giúp thay đổi tư duy phát triển Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng “thuận thiên”, thúc đẩy mô hình sản xuất thích ứng và tăng cường hợp tác quốc tế trong quản lý nguồn nước. Vấn đề ngập mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long giảm từ 5% - 10%, tỉ lệ vốn đầu tư tăng từ 12% - 17% (2016 – 2020). Bắt đầu từ Đại hội XIII (2021), trên cơ sở cụ thể hóa các mục tiêu về ngoại giao nguồn nước, Đảng tiếp tục xác định rõ phương hướng: “Xây dựng chiến lược tổng thể bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mê Kông” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021); “Bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, đặc biệt là nguồn nước ngọt, nước ngầm; đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia thượng nguồn và các tổ chức quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng có hiệu quả tài nguyên nước ở lưu vực các dòng sông xuyên biên giới, nhất là sông Mekong và sông Hồng” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021).

Bám sát chỉ đạo của Đại hội XIII, Quốc hội đã ban hành Luật tài nguyên nước số 28/2023/QH15 (Quốc hội, 2023), đánh dấu bước tiến lớn trong quản trị tài nguyên nước xuyên biên giới. Văn bản pháp luật này tạo hành lang pháp lý rõ ràng hơn, giúp cụ thể hóa nội dung các định hướng về bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước tại các lưu vực sông xuyên biên giới, như sông Mekong. Luật quy định quy hoạch nguồn nước liên quốc gia phải dựa trên thỏa thuận với các nước liên quan (Điều 12), đồng thời yêu cầu khai thác tài nguyên nước xuyên biên giới tuân thủ luật pháp quốc tế (Điều 41). Chương VII của luật nhấn mạnh nguyên tắc đảm bảo lợi ích công bằng, giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình (Điều 75, 76) và yêu cầu cơ

quan chức năng giám sát, báo cáo kịp thời để bảo vệ quyền lợi quốc gia (Điều 77).

4.3.2. *Triển khai thực tiễn các hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam từ 2016*

Ở cấp độ đa phương:

a. Ủy hội sông Mekong (MRC)

Năm 1995, Việt Nam cùng với ba quốc gia ở hạ lưu sông Mekong (Lào, Thái Lan, Campuchia) thành lập nên MRC, với mục tiêu thúc đẩy hợp tác giữa các nước thành viên trong sử dụng, phát triển, bảo vệ tài nguyên nước cũng như các tài nguyên liên quan một cách bền vững trên lưu vực sông Mekong.

Việt Nam tham gia xây dựng, triển khai các văn bản pháp lý, các chiến lược của MRC, gồm: Chiến lược Phát triển lưu vực các giai đoạn; Chiến lược quản lý và giảm nhẹ lũ; Chiến lược thủy sản; Chiến lược phát triển thủy điện; Xây dựng và hoàn thiện Bộ thủ tục giám sát nước và các hướng dẫn kỹ thuật. Việt Nam phối hợp triển khai nghiên cứu, đề xuất đối với tác động của thủy điện dòng chính: Nghiên cứu đánh giá tác động các công trình thủy điện dòng chính sông Mekong đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long” (Delta Study) (01/2016); Nghiên cứu chung về “Phát triển và quản lý bền vững lưu vực sông Mekong, bao gồm cả các tác động của thủy điện dòng chính” (2017). Gần đây, Việt Nam còn đề nghị đổi mới phương thức hoạt động của MRC tại Hội nghị Bộ trưởng, chuẩn bị cho Hội nghị cấp cao của Ủy hội sông Mekong quốc tế lần thứ 4. Nội dung đổi mới mà Việt Nam đề cập đến gồm: đổi mới trong phương thức hợp tác xuyên biên giới, chia sẻ thông tin số liệu, thực hiện tham vấn, thực hiện quan trắc sông Mekong, xây dựng cơ sở thông tin dữ liệu, kết nối với các cơ sở dữ liệu toàn cầu, ứng dụng công nghệ mới.

b. Cơ chế hợp tác Mekong - Lan Thương (MLC)

Năm 2016, Việt Nam tham gia vào cơ chế MLC và tích cực thúc đẩy hợp tác bảo vệ, quản lý, sử dụng hiệu quả và bền vững nguồn nước. Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao MLC lần thứ 8, Việt Nam đã đề xuất bốn nhóm ưu tiên: (1) Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng; (2) Đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển kinh tế, sản xuất; (3) Phát triển nền kinh tế xanh, năng lượng sạch và tái tạo, nông nghiệp thông minh; (4) Hợp tác thương mại, xây dựng chuỗi cung ứng thông minh.

Việt Nam cũng đưa sáng kiến thiết lập đường dây nóng xử lý các tình huống khẩn cấp trên sông Mekong. Tại Hội nghị Bộ trưởng MLC lần thứ 9 (2024), Việt Nam đã đề xuất ba định hướng cho hợp tác trong MLC: (1) *Xây dựng Mekong hiện đại và phát triển*, thông qua hợp tác bền vững, duy trì chuỗi cung ứng ổn định. (2) *Xây dựng Mekong xanh, bền vững*, trọng tâm là phân tích, đánh giá toàn diện trước khi triển khai các dự án trong khu vực. (3) *Xây dựng Mekong gắn bó, hữu nghị*, nhằm tăng cường đoàn kết, tránh xung đột và bảo vệ lợi ích chung của các quốc gia trong khu vực. Việt Nam còn tổ chức những cuộc họp kết nối trong nước và quốc tế về hợp tác Tiểu vùng như “Cuộc họp các điều phối viên và thành viên của GCMS các nước Mekong” (9/9/2020) theo hình thức trực tuyến. Năm 2020, Việt Nam triển khai 4 dự án trị giá gần 1,5 triệu USD, tập trung vào quản lý lũ lụt, hiệu quả thương mại và nâng cao kỹ năng xuất nhập khẩu.

c. Sáng kiến Hạ lưu Sông Mekong (LMI)

Năm 2009, Mỹ đã khởi xướng chương trình hợp tác LMI, chú trọng vào phát triển kết cấu hạ tầng, giáo dục, y tế cộng đồng biến đổi khí hậu, an ninh lương thực và an ninh năng lượng. Phạm vi vấn đề của LMI bao trùm và rộng mở hơn so với MLC, nhưng thiếu tập trung vào vấn đề cấp bách tại Mekong hiện nay là quản trị nguồn nước. Hơn nữa, việc Trung Quốc - quốc gia quan trọng ở thượng nguồn Mekong - vắng mặt trong cơ chế hợp tác làm giảm hiệu quả của diễn đàn, hạn chế khả năng giải quyết triệt để các vấn đề liên quan đến nguồn nước sông Mekong.

Từ năm 2016 đến nay, Việt Nam tiếp tục cùng các quốc gia trong LMI thúc đẩy sáng kiến và hoạt động hợp tác nổi bật, như: Kết nghĩa giữa Ủy hội Mekong và Ủy hội sông Mississippi; Chương trình “Dự báo Mekong”; Hội nghị Bộ trưởng FLM, Hỗ trợ trao đổi học thuật và chuyên gia đến lưu vực hàng năm.

Ở cấp độ song phương

Với Lào, Việt Nam – Lào có nhiều hợp tác, trao đổi kinh nghiệm quản lý tổng hợp, bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước; đào tạo và nâng cao năng lực; chia sẻ số liệu vận hành các công trình khai thác sử dụng nước xuyên biên giới tại khu vực sông Mekong (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2024). Tháng 3/2024, Việt Nam – Lào phối hợp với Tổ chức Lương thực và Nông

NGHIỆP LIÊN HỢP QUỐC (FAO) và Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế (IUCN), khởi động dự án “Tăng cường an ninh nguồn nước và môi trường cho các lưu vực sông Mã và sông Nuen - Cà”, nhằm giải quyết vấn đề quản lý tài nguyên nước ngọt và sức khỏe hệ sinh thái ở các lưu vực sông xuyên biên giới giữa hai quốc gia (FAO in Viet Nam, 2024). Với Trung Quốc, Việt Nam hoan nghênh và tham gia tích cực vào MLC từ 2016. Hai nước đã phối hợp xây dựng Trung tâm hợp tác nguồn nước Mekong - Lan Thương để chia sẻ thông tin, nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước (Thông tấn xã Việt Nam, 2016). Việt Nam tuyên bố đóng góp tài chính và chuyên gia làm việc tại Trung tâm này. Tháng 5/2024, hai nước đã ký kết Kế hoạch thực hiện “Bản ghi nhớ hợp tác về trao đổi thông tin thủy văn mùa lũ” nhằm quản lý và sử dụng bền vững nguồn nước sông Mekong (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2024). Với Campuchia, hai nước thường xuyên hợp tác quản lý nguồn nước Mekong. Năm 2019, hai bên ký Kế hoạch hành động xuyên biên giới 5 năm (2019-2024) tập trung vào quản lý lưu vực sông Srepok, Sesan và châu thổ Mekong (Hoà, 2024). Năm 2014, dự án kênh đào Funan Techo của Campuchia đã gây lo ngại cho các nước ở tiểu vùng, đặc biệt là Việt Nam. Tuy nhiên Việt Nam vẫn giữ thái độ tôn trọng dự án của Campuchia, mong muốn cùng phối hợp nghiên cứu đánh giá về những tác động của dự án (Hoà, 2024). Tháng 7/2024, Chủ tịch nước Việt Nam và Thủ tướng Campuchia nhất trí hợp tác quản lý bền vững nguồn nước Mekong vì lợi ích chung.

5. Bàn luận

Đánh giá triển khai

Từ 2016, Ngoại giao nguồn nước là điểm sáng trong chính sách đối ngoại Việt Nam, đặc biệt trước thách thức biến đổi khí hậu và an ninh nguồn nước.

Trong hợp tác song phương, Việt Nam tích cực phối hợp với các nước Tiểu vùng Mekong, đưa ra sáng kiến, chiến lược chung về quản lý và sử dụng nguồn nước. Trước việc Lào và Trung Quốc xây dựng đập thủy điện, Việt Nam thể hiện thái độ mong muốn hợp tác nhằm giảm thiểu tác động đến sông Mekong và đời sống người dân. Ở cấp độ đa phương, Việt Nam chủ động tham gia các cơ chế hợp tác Mekong, tận

dụng nguồn lực quốc tế để phát triển hạ tầng và bảo vệ lợi ích quốc gia. Đặc biệt, hợp tác với các quốc gia ngoài khu vực, như Mỹ, góp phần tạo sự cân bằng quyền lực trước sự ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc tại Mekong. Sự tham gia của Mỹ thông qua LMI không chỉ mang lại nguồn hỗ trợ quan trọng mà còn thúc đẩy các bên liên quan thận trọng hơn trong việc triển khai các dự án thủy điện mới. Đây là cơ hội để Việt Nam thúc đẩy phát triển, tăng cường hợp tác khu vực hài hòa và đảm bảo lợi ích lâu dài cho cả khu vực

Bên cạnh những thành tựu, việc triển khai ngoại giao nguồn nước của Việt Nam tại Mekong vẫn còn một số hạn chế.

Một là, Việt Nam chưa có chiến lược ngoại giao nguồn nước toàn diện. Dù vấn đề này đã được đề cập trong các văn kiện và nghị quyết của Đảng từ Đại hội XI, nhưng đến nay vẫn chưa có văn bản chính thức định hướng rõ mục tiêu, chiến lược với Tiểu vùng Mekong. Điều này khiến các hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam diễn ra chậm chạp, chưa tạo được dấu ấn mạnh mẽ trong cộng đồng quốc tế. Hơn nữa, sự chông chéo trong các cơ chế hợp tác như MRC và MLC dẫn đến phân tán nguồn lực, giảm hiệu quả hợp tác khu vực. *Hai là*, sự phối hợp giữa các bộ, ban, ngành và địa phương chưa đồng bộ. Dù Nghị quyết 120/NQ-CP đã nhấn mạnh phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long, nhưng an ninh nguồn nước vẫn chưa được đảm bảo. Hạn hán, xâm nhập mặn liên tục xảy ra từ 2016, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nông nghiệp và đời sống người dân. Việc liên kết giữa các bên còn yếu, khiến các giải pháp thiếu hiệu quả. Đặc biệt, việc ứng phó với các dự án đập thủy điện thượng nguồn sông Mekong chưa đạt kết quả rõ ràng, đòi hỏi cơ chế hợp tác mạnh mẽ hơn. *Ba là*, tiếng nói của Việt Nam tại diễn đàn quốc tế và khu vực về tài nguyên nước chưa đủ mạnh. Việt Nam chưa khẳng định được vai trò dẫn dắt hoặc tạo ảnh hưởng rõ rệt tại các diễn đàn về an ninh nguồn nước. Sự xuất hiện của nhiều cơ chế hợp tác mới trong và ngoài khu vực như MLC, đang cạnh tranh và đe dọa vị trí của MRC, một cơ chế hợp tác truyền thống mà Việt Nam là thành viên sáng lập. Hợp tác với Mỹ qua LMI mang lại lợi ích tài chính và kỹ thuật nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro trước căng thẳng Mỹ - Trung, tạo thêm áp lực trong bảo vệ lợi ích quốc gia và vai trò khu vực.

Một số kiến nghị chính sách cho Việt Nam

Việt Nam hiện chưa có các văn bản ngoại giao chính thức liên quan đến ngoại giao nguồn nước ở Tiểu vùng Mekong. Tuy nhiên, xét từ các hoạt động ngoại giao nguồn nước hiện nay của Việt Nam, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý để xử lý thách thức, góp phần xây dựng ngoại giao nguồn nước hoàn thiện hơn.

Thứ nhất, Việt Nam cần nhận thức rõ hậu quả của thiếu hụt nước trong tương lai, từ đó xem an ninh nguồn nước là ưu tiên chiến lược. Việc xây dựng chiến lược ngoại giao nguồn nước cụ thể sẽ giúp triển khai các hành động thực tiễn hơn, đáp ứng nhu cầu cấp bách.

Thứ hai, Việt Nam cần xác định các cơ chế hợp tác quan trọng, phù hợp với lợi ích quốc gia, tránh phân tán nguồn lực. Việc tập trung vào các cơ chế hiệu quả sẽ giúp quản lý nguồn nước tốt hơn và thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ ba, Việt Nam nên chủ động hơn trong các cơ chế đa phương về nguồn nước Mekong, đảm bảo vai trò trung tâm của các nước trong khu vực, hạn chế sự can thiệp quá mức từ bên ngoài. Việt Nam cũng nên tiếp tục thảo luận với các bên để tìm ra phương án tối ưu nhằm bổ sung, hoàn thiện cơ chế, tránh tình trạng nhiều cơ chế chông chéo nhau mà hiệu quả không cao. Đối với những vấn đề chính trị nhạy cảm, Việt Nam cần kiên trì vận động nhưng vẫn phải linh hoạt để tránh ảnh hưởng đến quan hệ hữu nghị, hợp tác với các quốc gia ở lưu vực.

Thứ tư, ngoài các hoạt động chính trị, ngoại giao nguồn nước, Việt Nam cũng phải chú trọng tới các công cụ công nghệ. Cụ thể, Việt Nam có thể đề xuất và đi đầu trong việc sử dụng AI và blockchain để giám sát dòng chảy, chất lượng nước và các tác động từ xây dựng đập thủy điện ở dòng chính Mekong. Hệ thống này sẽ minh bạch, khó làm giả và các dữ liệu sẽ được chia sẻ công khai cho các quốc gia hạ lưu sông Mekong. Ngoài ra, Việt Nam có thể đề xuất Quỹ đầu tư vào công nghệ nhằm hỗ trợ phát triển bền vững, tiết kiệm nước và tìm kiếm nguồn năng lượng thay thế như mặt trời, gió và địa nhiệt.

6. Kết luận

Ngoại giao nguồn nước không chỉ là công cụ quản lý tài nguyên mà còn bảo đảm an ninh quốc gia và phát triển bền vững, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và các hoạt động khai thác

tài nguyên thượng nguồn ngày càng gây áp lực lên sông Mekong và vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Từ năm 2016 đến nay, Việt Nam đã nhận thức được thách thức của an ninh nguồn nước và nâng cao tầm quan trọng của ngoại giao nguồn nước. Vấn đề an ninh nguồn nước ở Mekong được Đảng đưa ra tại các kỳ Đại hội và cụ thể hoá ở các Nghị quyết, Luật.

Việt Nam đã nỗ lực hợp tác song phương và đa phương trong quản lý nguồn nước Mekong. Đặc biệt, với hợp tác đa phương, Việt Nam tích cực tham gia các cơ chế như MRC, MLC và nhiều sáng kiến khác để bảo vệ lợi ích quốc gia và phát triển bền vững. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế vẫn chưa tương xứng với mục tiêu đề ra. Việc chông chéo quá nhiều cơ chế khiến quản lý

nguồn nước Mekong kém hiệu quả, trong khi sự can thiệp từ các nước ngoài khu vực làm gia tăng cạnh tranh và khó khăn.

Khi đã xác định rõ những vấn đề tồn đọng, Việt Nam cần khắc phục bằng cách xây dựng chiến lược ngoại giao nguồn nước rõ ràng hơn, tăng cường minh bạch, ứng dụng công nghệ hiện đại và phối hợp chặt chẽ với các quốc gia trong và ngoài Tiểu vùng Mekong. Nguồn nước Mekong không chỉ ảnh hưởng đến đời sống người dân Đồng bằng sông Cửu Long mà còn tác động trực tiếp đến lợi ích quốc gia. Do đó, đầu tư vào ngoại giao nguồn nước không chỉ giúp giải quyết các thách thức môi trường mà còn thúc đẩy kinh tế và nâng cao vị thế Việt Nam ở Tiểu vùng Mekong và khu vực.

Tài liệu tham khảo

- Anh, V. (2019). Ba lý do cơ thể khiến nước sông Mekong xuống thấp kỷ lục. Truy cập ngày 12 tháng 12 năm 2024 từ <https://vnexpress.net/ba-ly-do-co-the-khien-nuoc-song-mekong-xuong-thap-ky-luc-3954561.html>.
- Bo Tai Nguyen va Moi trung. (2024). *Viet Nam – Lao: Hop tac trien khai 07 nhom nhiem vu trong linh vuc Tai Nguyen va Moi trung*. Truy cập ngày 01 tháng 12 năm 2024 từ <https://botruong.monre.gov.vn/viet-nam-lao-hop-tac-trien-khai-07-nhom-nhiem-vu-trong-linh-vuc-tai-nguyen-va-moi-truong-2442.htm>.
- Bo Tai Nguyen va Moi Truong. (2024). *Viet Nam – Trung Quoc tang cuong hop tac trao doi thong tin thuy van mua lu*. Truy cập ngày 5 tháng 12 năm 2024 từ <https://tainguyenmoitruong.gov.vn/tin-moi/202405/viet-nam-trung-quoc-tang-cuong-hop-tac-trao-doi-thong-tin-thuy-van-mua-lu-742231f/>.
- Chinh phu. (2017). *Nghi quyet so 120/NQ - CP cua Chinh phu: Ve phat trien ben vung dong bang song Cuu Long thich ung voi bien doi khi hau*.
- Dang Cong San Viet Nam (2016). *Van kien DH dai bieu toan quoc lan thu XII*. Nxb: Chinh tri Quoc gia.
- Dang Cong San Viet Nam. (2021). *Van kien DH dai bieu toan quoc lan thu XIII*. Nxb: Chinh tri Quoc gia.
- Dung, V. (2018). *Thuc day hop tac trong khuon kho Uy hoi song Mekong*. Truy cập ngày 12 tháng 12 năm 2024 từ <https://vov.vn/chinh-tri/thuc-day-hop-tac-trong-khuon-kho-uy-hoi-song-mekong-746886.vov>.
- FAO in Viet Nam. (2024). *Khoi dong du an hop tac song phuong giua CHDCND Lao va Viet Nam ve viec tang cuong quan ly tong hop tai nguon nuoc va suc khoe he sinh thai tai lưu vuc song Ma va song Nuen-Ca*. Truy cập ngày 6 tháng 12 năm 2024 từ https://www.fao.org/vietnam/news/detail/vn/c/1678913/?utm_source=chatgpt.com.
- Hoa, H. T. (2024). *Nguyen tac nghia vu hop tac cua cac quoc gia trong khai thac nguon nuoc song Me Kong*. Truy cập ngày 10 tháng 12 năm 2024 từ <https://scem.gov.vn/vi/tin-tuc-trung-tam/chu-truong-chinh-sach/nguyen-tac-nghia-vu-hop-tac-cua-cac-quoc-gia-trong-khai-thac-nguon-nuoc-song-me-kong-1138.html>.
- Hoang, V. L. T. (2020). *Ngoai giao chuyen biet: Huong di, uu tien moi cua ngoai giao Viet Nam den nam 2030*. Nxb: Chinh tri Quoc gia Su That.
- Keskinen, M., Salminen, E. & Haapala, J. (2021). Water diplomacy paths – An approach to recognise water diplomacy actions in shared waters. *Journal of Hydrology*, 602.
- Kittikhoun, A. & Staubli, D. M. (2018). Water diplomacy and conflict management in the

- Mekong: From rivalries to cooperation. *Journal of Hydrology*, 567, 654-667.
- Klimes, M., Michel, D., Yaari, E. & Restiani, P. (2019). Water diplomacy: The intersect of science, policy and practice. *Journal of Hydrology*, 575, 1362-1370.
- Quoc Hoi. (2023). *Luật số 28/2023/QH15 của Quốc hội ngày 27 tháng 11 năm 2023: Luật Tài nguyên nước*.
- Salman, A. (2015). *Blue Diplomacy: Transboundary water governance from a foreign policy lens* (Publication Series “Regional Green Dialogs”). Heinrich Böll Stiftung.
- Sehring, J., Schmeier, S., Horst, R. ter, Offutt, A. & Sharipova, B. (2022). Diving into Water Diplomacy – Exploring the Emergence of a Concept. *Diplomatica*, 4, 200–221. <https://doi.org/10.1163/25891774-bja10082>.
- Shihong, B. [毕世鸿] & Jinlin, F. [付瑾琳] (2016). 2015 年越南形势及对大湄公河次区域合作的参与. 大湄公河次区域合作发展报.
- Thong tan xa Viet nam. (2016). Viet Nam-Trung Quoc lap Trung tam hop tac nguon nuoc Mekong-Lan Thuong. Truy cap ngay 10 thang 12 nam 2024 tu <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-trung-quoc-lap-trung-tam-hop-tac-nguon-nuoc-mekong-lan-thuong-post377689.vnp>.
- Thu, T. M. (2022). *Tieu vung song Me Cong: Hop tac nang dong vi thinh vuong, an ninh va phat trien ben vung*. Nha xuất bản The gioi.
- Trung tam Truyen thong Tai nguuyen Moi trung. (2022). Tac dong cua xam nhap man o DBSCL toi doi song, xa hoi, moi trung khu vuc DBSCL va khu vuc phia Nam. Truy cap ngay 12 thang 12 nam 2024 tu <https://tainguyenmoitruong.gov.vn/linh-vuc-chuyen-nganh/tai-nguyen-nuoc/202210/tac-dong-cua-xam-nhap-man-o-dbscl-toi-doi-song-xa-hoi-moi-truong-khu-vuc-dbscl-va-khu-vuc-phia-nam-367269D/>.
- Truong, V. M. & Tram, N. (2021). “Adapting to Nature”: A Preliminary Assessment of Vietnam’s Mekong Water Diplomacy since 2017. *ISEAS – Yusof Ishak Institute*, 166(2021). https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2021/11/ISEAS_Perspective_2021_166.pdf.
- Vlachos, E. (1996). Hydrodiplomacy and Dispute Resolution in Private Water Resources Conflicts. *Transboundary Water Resources Management* (Nato ASI Series, Vol. 7). https://doi.org/10.1007/978-3-642-61438-5_3.

NGOẠI GIAO NGUỒN NƯỚC CỦA VIỆT NAM TẠI TIỂU VÙNG SÔNG MEKONG TỪ NĂM 2016 ĐẾN NAY

Lê Hồng Hoa¹

Trần Thị Khánh Chi²

^{1,2}Học viện Ngoại giao

Email: lehonghoa1110@gmail.com¹; tranthikhanhchi.189@gmail.com²

Ngày nhận bài: 10/3/2025; Ngày phản biện: 14/3/2025; Ngày tác giả sửa: 18/3/2025;

Ngày duyệt đăng: 25/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.58902/tcnckhpt.v4i1.210>

Tóm tắt: Bài nghiên cứu phân tích về tình hình và hoạt động thực tiễn Ngoại giao nguồn nước của Việt Nam tại Tiểu vùng Mekong từ năm 2016 đến nay, trong bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long đối mặt với hạn hán và xâm nhập mặn nghiêm trọng. Việt Nam đã có bước tiến quan trọng trong Ngoại giao nguồn nước, đưa an ninh nguồn nước tại sông Mekong vào Văn kiện Đại hội Đảng, tham gia vào các cơ chế hợp tác đa phương và thúc đẩy đối thoại song phương với các quốc gia tại khu vực. Tuy nhiên, hoạt động ngoại giao nguồn nước của Việt Nam vẫn còn hạn chế và chưa thể hiện vai trò dẫn dắt trong khu vực. Việt Nam sẽ cần xây dựng chiến lược ngoại giao nguồn nước toàn diện, đẩy mạnh hợp tác trọng yếu, ứng dụng công nghệ giám sát nguồn nước và chủ động hơn trong đàm phán quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và phát triển bền vững.

Từ khóa: Chính sách đối ngoại Việt Nam; Ngoại giao nguồn nước; Tiểu vùng sông Mekong.